

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 09/2025/KDTM-ST

Ngày 29-9-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hạnh;

2. Bà Đỗ Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104A/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2025/QĐST-HPT, ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q (tên viết tắt: MB).

Trụ sở chính: Số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường Y, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty trách nhiệm hữu hạn Q1 và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; Địa chỉ: A G, phường Ô, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D – Chức vụ: Tổng Giám đốc;
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn Đ - Chức vụ Giám đốc phụ trách MB AMC ĐNB, người đứng đầu Chi nhánh Đ1;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trương Minh D1, sinh năm 1989 và ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1999; Cùng địa chỉ: Lầu C, tòa nhà N, số I đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông T1 có mặt, ông D1 vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Thanh T2, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và phần trình bày trong bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, trình bày:

Ngày 23/3/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q – Chi nhánh B đã ký Hợp đồng cho vay với bà Lê Thị Thanh T2 như sau:

Hợp đồng cho vay số 0001.23.553.25945263.TD, ngày 23/3/2023 cung cấp tín dụng cho vay theo hạn mức tín dụng với số tiền: 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh cây giống, cây cảnh; thời hạn cho vay: 11 tháng.

Thực hiện Hợp đồng cho vay trên, MB đã giải ngân số tiền 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng) và bà T2 đã xác nhận nợ theo Văn bản nhận nợ số LD 2405789824, ngày 26/02/2024; Ngoài ra Văn bản nhận nợ có ghi nhận nội dung thoả thuận về thời hạn vay: đến hết ngày 27/01/2025; Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân đến ngày 25/5/2024 là 10,3 %/năm, lãi suất cho vay tiếp theo điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 26/5, 26/8, 26/11 hàng năm và được xác định bằng lãi suất tham chiếu VND thời hạn khoản vay <= 12 tháng – kỳ điều chỉnh 3 tháng áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm; tiền lãi được tính bằng dư nợ gốc thực tế nhân với số ngày vay thực tế nhân với lãi suất cho vay chia cho 365; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm. Thời hạn trả trả nợ gốc vào ngày kết thúc khoản vay là ngày 27/01/2025; trả nợ lãi theo định kỳ hàng tháng, vào ngày 25 hàng tháng bắt đầu từ ngày 25/3/2025.

Để bảo đảm cho số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng vay nêu trên thì bà T2 đã ký với MB Hợp đồng thế chấp số 119099.23.553.25945263.BĐ ngày 23/3/2023 số công chứng số: 671, quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD và đã được MB đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật, theo đó tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà T2 là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 262, tờ bản đồ 25; địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh), đất

được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 281079 ngày 04/4/2018 cho bà Lê Thị Thanh T2 đứng tên.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bà Lê Thị Thanh T2 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q được 83,053 đồng nợ gốc và 134,018,629 đồng nợ lãi.

Sự vi phạm nghĩa vụ thanh toán, dư nợ: Đến ngày 25/12/2024, bà Lê Thị Thanh T2 đã không trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay, các khế ước nhận nợ cho nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Dư nợ tạm tính của Bà Lê Thị Thanh T2 đến ngày 29/09/2025 tại Ngân hàng MB là 1.774.593.726đ trong đó bao gồm: 1.599.916.947đ nợ gốc; 52.380.844đ nợ lãi trong hạn và 122.295.935đ nợ lãi quá hạn.

Ngân hàng TMCP Q đã thông báo, công văn yêu cầu bà Lê Thị Thanh T2 trả nợ hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho MB xử lý theo đúng quy định nhưng bà Lê Thị Thanh T2 không thực hiện theo yêu cầu. MBAMC đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng và các bên liên quan theo đúng quy định.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

Buộc bà Lê Thị Thanh T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến hết ngày 29/9/2025 là 1.774.593.726đ (một tỷ, bảy trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm hai mươi sáu đồng);

Kể từ ngày 30/9/2025, bà Lê Thị Thanh T2 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cho vay và các Văn bản nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Lê Thị Thanh T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 262, tờ bản đồ 25; địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh), đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 281079 ngày 04/4/2018 cho bà Lê Thị Thanh T2 đứng tên.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Lê Thị Thanh T2 đối với MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Lê Thị Thanh T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MB.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Thanh T2: Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng bà Lê Thị Thanh T2 vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của bà T2 và tiến hành hòa giải để các bên tự thỏa thuận được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng, trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Lê Thị Thanh T2. Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với bà Lê Thị Thanh T2, với mục đích vay tiền để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh cây giống, cây cảnh, nay có phát sinh tranh chấp nên xác định quan hệ là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm”. Vì vậy, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Lê Thị Thanh T2 có địa chỉ tại xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm này.

[2] Bị đơn bà Lê Thị Thanh T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét về nội dung các hợp đồng tín dụng và các giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ, nhận thấy.

Căn cứ Hợp đồng cho vay số 0001.23.553.25945263.TD, ngày 23/3/2023, MB đã giải ngân số tiền 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng) và bà T2 đã xác nhận nợ theo các Văn bản nhận nợ sau số LD 2405789824, ngày 26/02/2024.

Như vậy có căn cứ để xác định, các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ được MB và bà T2 ký kết dựa trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng tuân thủ các quy định về hình thức và nội dung, phù hợp với các quy định của pháp luật nên các hợp đồng, văn bản được

ký kết giữa các bên nêu trên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Thực hiện hợp đồng tín dụng bà T2 đã nhận đủ số tiền vay và phải thanh toán tiền gốc, lãi hàng tháng theo thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bà Lê Thị Thanh T2 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q được 83,053 đồng nợ gốc và 134,018,629 đồng nợ lãi. Sau đó đến ngày 25/12/2024, bà Lê Thị Thanh T2 đã không trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay, các khế ước nhận nợ cho nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29/9/2025 bà T2 còn nợ MB tổng số tiền nợ là 1.774.593.726đ trong đó bao gồm: 1.599.916.947đ nợ gốc; 52.380.844đ nợ lãi trong hạn và 122.295.935đ nợ lãi quá hạn.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa đại diện MB xác định bị đơn còn nợ tiền gốc như trên. Đối với tiền lãi thì theo thỏa thuận tiền lãi suất cho vay từ ngày giải ngân (ngày 26/02/2024) đến ngày 25/5/2024 là 10,3%/năm, lãi suất cho vay tiếp theo điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 26/5, 26/8, 26/11 hàng năm và được xác định bằng lãi suất tham chiếu VND thời hạn khoản vay ≤ 12 tháng – kỳ điều chỉnh 3 tháng áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm; tiền lãi được tính bằng dư nợ gốc thực tế nhân với số ngày vay thực tế nhân với lãi suất cho vay chia cho 365; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho khoản vay vốn, bà Lê Thị Thanh T2 đã ký kết Hợp đồng thế chấp số 119099.23.553.25945263.BĐ ngày 23/3/2023 số công chứng số: 671, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD và đã được MB đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật, theo đó tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà T2 là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 262, tờ bản đồ 25; địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh), đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 281079 ngày 04/4/2018 cho bà Lê Thị Thanh T2 đứng tên;

Xét thấy, các tài sản bảo đảm thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị Thanh T2; các hợp đồng này được công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Thông qua các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản thì thấy các hợp đồng trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định về hình thức và nội dung.

Vì vậy, trong trường hợp bà T2 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ, MB được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015 nên yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm được chấp nhận.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà T2 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Do yêu cầu của MB được chấp nhận toàn bộ nên bà Lê Thị Thanh T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho MB số tiền chi phí xem xét thẩm định là 4.000.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của MB được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Lê Thị Thanh T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả là $36.000.000đ + (974.593.726đ \times 3\%) = 65.237.812$ đồng làm tròn thành 65.237.800 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 100, Điều 103, Điều 196 của Luật Các tổ chức tín dụng 2024; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các điều 7, 8, 12, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với bà Lê Thị Thanh T2 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm".

1.1 Buộc bà Lê Thị Thanh T2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 1.774.593.726đ (một tỷ, bảy trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm hai mươi sáu đồng) trong đó bao gồm: 1.599.916.947đ nợ gốc; 52.380.844đ nợ lãi trong hạn và 122.295.935đ nợ lãi quá hạn.

Ngoài ra bà Lê Thị Thanh T2 phải tiếp tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký, các văn bản, thỏa thuận

đã giao kết.

1.2. Trường hợp bà Lê Thị Thanh T2 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể tài sản bảo đảm bao gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 262, tờ bản đồ 25; địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh), đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 281079 ngày 04/4/2018 cho bà Lê Thị Thanh T2 đứng tên; Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Lê Thị Thanh T2 đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

1.3. Trường hợp phát mãi tài sản mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của bà Lê Thị Thanh T2 đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì bà T2 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T2 có nghĩa vụ nộp 65.237.800đ (sáu mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi bảy ngàn, tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.996.900đ (ba mươi triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003876 ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (29-9-2025); Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng là 15 ngày kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến